

# Bài tập Although - Despite - In spite of

Tuy cùng mang nghĩa là mặc dù, ít ai biết **Although - Despite - In spite of** lại có cấu trúc ngữ pháp hoàn toàn khác biệt. Cùng khám phá và luyện tập với kho **bài tập Although - Despite - In spite of** kèm đáp án chi tiết **ELSA Speak** tổng hợp ngay sau đây!

1. Bài tập điền từ.....	2
2. Bài tập trắc nghiệm.....	4
3. Bài tập viết lại câu (Sentence Transformation).....	8
4. Bài tập tìm và sửa lỗi sai.....	10
5. Bài tập nối hai câu đơn thành một câu ghép.....	12

# 1. Bài tập điền từ

## Đề bài: Điền liên từ thích hợp vào chỗ trống

1. \_\_\_\_\_ the bad weather, we went on a school picnic.
2. \_\_\_\_\_ it was raining, we went swimming.
3. \_\_\_\_\_ his illness, he managed to come to the meeting.
4. \_\_\_\_\_ he was ill, he managed to come to the meeting.
5. \_\_\_\_\_ she was tired, she finished her work.
6. \_\_\_\_\_ being tired, she finished her work.
7. \_\_\_\_\_ the traffic was heavy, we arrived on time.
8. \_\_\_\_\_ the heavy traffic, we arrived on time.
9. \_\_\_\_\_ the fact that he is young, he is very responsible.
10. \_\_\_\_\_ his young age, he is very responsible.
11. We decided to buy the house \_\_\_\_\_ the high price.
12. We decided to buy the house \_\_\_\_\_ the price was high.
13. \_\_\_\_\_ having a headache, I enjoyed the movie.
14. \_\_\_\_\_ I had a headache, I enjoyed the movie.
15. She didn't get the job \_\_\_\_\_ she had all the necessary qualifications.
16. She didn't get the job \_\_\_\_\_ having all the necessary qualifications.
17. \_\_\_\_\_ the noise, the baby slept soundly.
18. \_\_\_\_\_ it was noisy, the baby slept soundly.
19. He refused to eat \_\_\_\_\_ he was very hungry.
20. He refused to eat \_\_\_\_\_ his hunger.

## Đáp án bài tập 1

Câu	Đáp án	Giải thích
1	Despite / In spite of	Sau chỗ trống là cụm danh từ the bad weather.
2	Although / Though	Sau chỗ trống là mệnh đề it was raining.
3	Despite / In spite of	Sau chỗ trống là cụm danh từ his illness.
4	Although / Though	Sau chỗ trống là mệnh đề he was ill.
5	Although / Though	Sau chỗ trống là mệnh đề she was tired.
6	Despite / In spite of	Sau chỗ trống là V-ing being tired.
7	Although / Though	Sau chỗ trống là mệnh đề the traffic was heavy.
8	Despite / In spite of	Sau chỗ trống là cụm danh từ the heavy traffic.
9	Despite / In spite of	Cấu trúc Despite the fact that....
10	Despite / In spite of	Sau chỗ trống là cụm danh từ his young age.
11	despite / in spite of	Sau chỗ trống là cụm danh từ the high price.
12	although / though	Sau chỗ trống là mệnh đề the price was high.
13	Despite / In spite of	Sau chỗ trống là V-ing having a headache.
14	Although / Though	Sau chỗ trống là mệnh đề I had a headache.
15	although / though	Sau chỗ trống là mệnh đề she had....
16	despite / in spite of	Sau chỗ trống là V-ing having....
17	Despite / In spite of	Sau chỗ trống là cụm danh từ the noise.
18	Although / Though	Sau chỗ trống là mệnh đề it was noisy.
19	although / though	Sau chỗ trống là mệnh đề he was....
20	despite / in spite of	Sau chỗ trống là cụm danh từ his hunger.

Bảng đáp án bài tập 1

## 2. Bài tập trắc nghiệm

Đề bài: Chọn đáp án đúng (A, B, C, D) để điền vào chỗ trống

1. \_\_\_\_\_ he is a billionaire, he lives in a small house.  
A. Despite  
B. Although  
C. In spite  
D. Because
2. \_\_\_\_\_ the storm, the ship couldn't leave the port.  
A. Because of  
B. Although  
C. Even though  
D. As
3. The ship left the port \_\_\_\_\_ the storm.  
A. in spite of  
B. although  
C. though  
D. because
4. \_\_\_\_\_ we played well, we couldn't win the match.  
A. Although  
B. Despite  
C. In spite of  
D. Because of
5. I couldn't sleep \_\_\_\_\_ being very tired.  
A. though  
B. despite  
C. although  
D. if
6. \_\_\_\_\_ the fact that she is rich, she is not happy.  
A. Although  
B. Because  
C. Despite  
D. Even though
7. She accepted the job \_\_\_\_\_ the salary was low.  
A. despite  
B. in spite of

- C. though
- D. because of

8. He ran fast \_\_\_\_\_ his old age.

- A. although
- B. even though
- C. in spite of
- D. but

9. \_\_\_\_\_ the problem was difficult, I solved it.

- A. In spite of
- B. Despite
- C. Even though
- D. Because

10. Julie did not get the job \_\_\_\_\_.

- A. despite she had experience
- B. although her experience
- C. in spite of her experience
- D. though her experience

11. \_\_\_\_\_ having a broken leg, he managed to get home.

- A. Although
- B. Because
- C. Despite
- D. But

12. They went out \_\_\_\_\_ it was raining hard.

- A. despite
- B. in spite of
- C. even though
- D. because of

13. \_\_\_\_\_ the heavy traffic, we got to the airport on time.

- A. Although
- B. In spite
- C. Despite
- D. Though

14. She went to the party \_\_\_\_\_ she felt ill.

- A. despite
- B. in spite of

- C. although
- D. because of

15. \_\_\_\_\_ his poverty, he is very generous.

- A. Although
- B. Even though
- C. Because
- D. In spite of

16. I love him \_\_\_\_\_ his faults.

- A. despite
- B. although
- C. though
- D. because

17. \_\_\_\_\_ she is beautiful, she doesn't have a boyfriend.

- A. Despite
- B. In spite of
- C. Although
- D. Because of

18. We understood him \_\_\_\_\_ his strong accent.

- A. although
- B. though
- C. in spite of
- D. because

19. \_\_\_\_\_ being late, he didn't apologize.

- A. Despite
- B. Although
- C. Though
- D. If

20. He went to work \_\_\_\_\_.

- A. despite he was ill
- B. although his illness
- C. in spite of being ill
- D. even though being ill

## Đáp án bài tập 2

Câu	Đáp án	Giải thích
1	B	Mệnh đề he is a billionaire → Chọn Although.
2	A	Cụm danh từ the storm → Chọn In spite of.
3	A	Mệnh đề we played well → Chọn Although.
4	B	V-ing being very tired → Chọn Despite.
5	C	Cấu trúc Despite the fact that...
6	C	Mệnh đề the salary was low → Chọn Though.
7	C	Cụm danh từ his old age → Chọn In spite of.
8	C	Mệnh đề the problem was difficult → Chọn Even though.
9	C	Sau In spite of là cụm từ (her experience). A, B, D sai ngữ pháp.
10	C	V-ing → Chọn Despite.
11	C	Mệnh đề → Chọn Even though.
12	C	Cụm từ the heavy traffic → Chọn Despite. In spite thiếu of.
13	C	Mệnh đề → Chọn Although.
14	D	Cụm từ his poverty → Chọn In spite of.
15	A	Cụm từ his faults → Chọn Despite.
16	C	Mệnh đề → Chọn Although.
17	C	Cụm từ his strong accent → Chọn In spite of.
18	A	V-ing → Chọn Despite.
19	C	in spite of being ill là cấu trúc đúng (giới từ + V-ing).

Bảng đáp án bài tập 2

### 3. Bài tập viết lại câu (Sentence Transformation)

**Đề bài:** Viết lại câu bằng cách sử dụng **although, despite, in spite of** sao cho nghĩa không đổi

1. Although he is strong, he can't lift this box.
2. Although the weather was bad, we enjoyed our trip.
3. Despite her poor health, she works hard.
4. In spite of the heavy rain, they went camping.
5. Although the car was cheap, it was in good condition.
6. Although he has an English name, he is Vietnamese.
7. Despite being tired, he finished the report.
8. In spite of losing the way, we arrived on time.
9. Although she is young, she performs beautifully.
10. Although the test was difficult, I got a high score.
11. Despite his wealth, he is not happy.
12. Although it was cold, we went swimming.
13. In spite of the noise, I could sleep.
14. Although he studied hard, he failed.
15. Although the house is small, it is comfortable.
16. Despite living in the same street, we hardly see each other.
17. Although he promised to come, he didn't show up.
18. In spite of his blindness, he can play the piano well.
19. Although the salary is good, I don't like the job.
20. Despite the long queue, we waited to buy tickets.

### Đáp án bài tập 3

Câu	Đáp án	Giải thích
1	Despite his strength, he can't lift this box.	Adj strong → N strength.
2	Despite the bad weather, we enjoyed our trip.	N + be + Adj → Adj + N.
3	Although her health is poor, she works hard.	Noun phrase → Clause.
4	Although it rained heavily, they went camping.	Adj + N → V + Adv (rain heavily).
5	Despite the cheap car, it was in good condition.	N + be + Adj → Adj + N.
6	Despite having an English name, he is Vietnamese.	Cùng chủ ngữ → V-ing.
7	Although he was tired, he finished the report.	V-ing → Clause.
8	Although we lost the way, we arrived on time.	V-ing → Clause.
9	Despite her youth, she performs beautifully.	Adj young → Noun youth.
10	Despite the difficult test, I got a high score.	N + be + Adj → Adj + N.
11	Although he is wealthy, he is not happy.	Noun wealth → Adj wealthy.
12	Despite the cold weather, we went swimming.	Chủ ngữ giả It → the cold weather.
13	Although it was noisy, I could sleep.	Noun noise → Adj noisy.
14	Despite studying hard, he failed.	Cùng chủ ngữ → V-ing.
15	Despite the small house, it is comfortable.	N + be + Adj → Adj + N.
16	Although we live in the same street, we hardly...	V-ing → Clause.
17	Despite promising to come, he didn't show up.	Cùng chủ ngữ → V-ing.
18	Although he is blind, he can play the piano well.	Noun blindness → Adj blind.
19	Despite the good salary, I don't like the job.	N + be + Adj → Adj + N.
20	Although the queue was long, we waited...	Adj + N → N + be + Adj.

Đáp án bài tập 3

## 4. Bài tập tìm và sửa lỗi sai

Đề bài: Tìm lỗi sai trong các câu sau và sửa lại cho đúng

1. Despite of the rain, we went out.
2. Although his sickness, he went to school.
3. In spite the heavy traffic, we arrived on time.
4. Even though being tired, he walked home.
5. She went to work despite she was ill.
6. Although the fact that he is rich, he is mean.
7. Despite he practiced a lot, he failed.
8. In spite of he had a map, he got lost.
9. Though her beauty, she is not married.
10. Despite of being young, he is a leader.
11. He likes her although her bad temper.
12. In spite the fact that it was late, he called her.
13. Although my warnings, he did it.
14. Despite the test was easy, he failed.
15. I enjoyed the party despite of the crowd.
16. Even though the fact that I love him, I can't marry him.
17. In spite of she is beautiful, nobody likes her.
18. He is strong although his small size.
19. Despite live near here, I never see him.
20. Although raining, we went for a walk.

Đáp án bài tập 4

Câu	Lỗi sai → Sửa lỗi	Giải thích
1	Despite of → <b>Despite</b> (hoặc <b>In spite of</b> )	Despite không đi kèm giới từ of. Chỉ có In spite of hoặc Despite + N/V-ing.
2	Although → <b>Despite</b> / <b>In spite of</b>	His sickness là một cụm danh từ, không phải mệnh đề. Although chỉ đi với mệnh đề (S + V).
3	In spite → <b>In spite of</b>	Cấu trúc cố định là In spite of + N/V-ing. Câu này thiếu giới từ of.
4	Even though → <b>Despite</b> / <b>In spite of</b>	Being tired là V-ing, nên cần dùng giới từ chỉ sự nhượng bộ (Despite/In spite of) thay vì liên từ (Even though).
5	despite → <b>although</b> / <b>though</b>	She was ill là một mệnh đề (có chủ ngữ và động từ), nên phải dùng Although/Though.
6	Although → <b>Despite</b> / <b>In spite of</b>	Cấu trúc chuẩn là Despite / In spite of + the fact that + mệnh đề. Although không đi với the fact that.

7	Despite → <b>Although</b> / <b>Even though</b>	He practiced a lot là một mệnh đề (S + V), nên cần dùng liên từ <b>Although</b> .
8	In spite of → <b>Although</b> / <b>Though</b>	He had a map là một mệnh đề (S + V), không thể dùng In spite of.
9	Though → <b>Despite</b> / <b>In spite of</b>	Her beauty là một cụm danh từ, nên phải dùng <b>Despite</b> hoặc <b>In spite of</b> .
10	Despite of → <b>Despite</b> (hoặc <b>In spite of</b> )	Sai ngữ pháp vì thừa of. <b>Despite</b> đứng một mình, không có of đi kèm.
11	although → <b>despite</b> / <b>in spite of</b>	"Her bad temper" là <b>cụm danh từ</b> , không được dùng <b>Although</b> .
12	In spite → <b>In spite of</b>	Thiếu giới từ of trong cấu trúc cố định <b>In spite of</b> + the fact that.
13	Although → <b>Despite</b> / <b>In spite of</b>	My warnings là cụm danh từ, cần dùng giới từ chỉ sự nhượng bộ thay vì liên từ <b>Although</b> .
14	Despite → <b>Although</b> / <b>Though</b>	The test was easy là một mệnh đề (S + V), phải dùng <b>Although</b> .
15	despite of → <b>despite</b>	Thừa giới từ of. Chú ý: <b>Despite = In spite of</b> .
16	Even though → <b>Despite</b> / <b>In spite of</b>	Tương tự câu 6, cụm the fact that được dùng sau <b>Despite/In spite of</b> để nối với một mệnh đề.
17	In spite of → <b>Although</b> / <b>Even though</b>	She is beautiful là mệnh đề (S + V), nên phải thay bằng <b>Although</b> .
18	although → <b>despite</b> / <b>in spite of</b>	His small size là cụm danh từ, không dùng <b>Although</b> .
19	live → <b>living</b>	Sau giới từ <b>Despite</b> , động từ phải chia ở dạng V-ing (living) hoặc dùng danh từ.
20	Although raining → <b>Although it was raining</b>	<b>Although</b> phải đi kèm mệnh đề (S + V). Câu gốc thiếu chủ ngữ và trợ động từ (it was).

Đáp án bài tập 4

## 5. Bài tập nối hai câu đơn thành một câu ghép

**Đề bài:** Chọn đáp án đúng (A, B, C, D) để điền vào chỗ trống

1. He is very old. He runs fast. (Although)
2. She was very busy. She helped me. (Despite)
3. The questions were difficult. I solved them. (In spite of)
4. He didn't have much money. He bought the car. (Even though)
5. We live in the same building. We hardly see each other. (Despite)
6. The shirt is expensive. I will buy it. (Though)
7. It was night. We continued working. (In spite of)
8. She is intelligent. She cannot answer this question. (Despite)
9. He has a lot of money. He is very stingy. (Although)
10. The weather is cold. He wears shorts. (In spite of)
11. I felt tired. I couldn't sleep. (Despite)
12. The food looked bad. It tasted delicious. (Although)
13. He has physical handicap. He has become a successful businessman. (Despite)
14. The film was boring. We watched it until the end. (In spite of)
15. He had a good salary. He resigned. (Although)
16. The cafe was crowded. We found a table. (Despite)
17. I wasn't hungry. I ate the cake. (Though)
18. She didn't like the gift. She accepted it. (In spite of)
19. He was injured. He finished the race. (Despite)
20. The water was cold. He took a shower. (Although)

## Đáp án bài tập 5

Câu	Đáp án
1	Although he is very old, he runs fast.
2	Despite being very busy, she helped me.
3	In spite of the difficult questions, I solved them.
4	Even though he didn't have much money, he bought the car.
5	Despite living in the same building, we hardly see each other.
6	Though the shirt is expensive, I will buy it.
7	In spite of the night, we continued working. (Or: In spite of the fact that it was night...)
8	Despite her intelligence, she cannot answer this question.
9	Although he has a lot of money, he is very stingy.
10	In spite of the cold weather, he wears shorts.
11	Despite feeling tired, I couldn't sleep.
12	Although the food looked bad, it tasted delicious.
13	Despite his physical handicap, he has become a successful businessman.
14	In spite of the boring film, we watched it until the end.
15	Although he had a good salary, he resigned.
16	Despite the crowded cafe, we found a table.
17	Though I wasn't hungry, I ate the cake.
18	In spite of not liking the gift, she accepted it.
19	Despite his injury (or being injured), he finished the race.
20	Although the water was cold, he took a shower.